

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. PHAN RANG - THÁP CHÀM
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2024/DS-ST

Ngày 17-9- 2024

V/v: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN RANG - THÁP CHÀM,
TỈNH NINH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Phát.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Bình.

Ông Trần Hoàng Liên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Sơn – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 89/2024/TLST-DS ngày 28 tháng 3 năm 2024 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2024/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 72/2024/QĐST-DS ngày 19 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty tài chính J.

Địa chỉ trụ sở chính: Lầu 15, tòa nhà Centec 72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Thành T - Chức vụ: Nhân viên Công ty tài chính Trách nhiệm hữu hạn J - Là người đại diện theo ủy quyền. (Giấy ủy quyền số: 15/2024/UQ-J ngày 22/4/2024 và Giấy ủy quyền số: 759/2024/UQ-J-LM ngày 02/8/2024) (Ông T có mặt).

Bị đơn: Bà Lê Nguyễn Quỳnh N, sinh năm: 1997. (vắng mặt).

Nơi cư trú: Khu phố 5, phường Đ, thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Công ty Tài chính trách nhiệm hữu hạn J (Sau đây gọi tắt là Công ty J) là tổ chức tín dụng phi ngân hàng được Ngân hàng Nhà nước cấp phép hoạt động.

Ngày 30/01/2023, bà Lê Nguyễn Quỳnh N có ký hợp đồng số 21100003821231000 với Công ty J để vay tiền mặt theo hình thức trả góp hàng tháng, mục đích vay: mua xe máy. Cụ thể: Số tiền vay: 30.730.000 đồng (*trong đó: số tiền thanh toán cho Cửa hàng liên kết là Công ty TNHH T: 28.000.000 đồng, số tiền phí bảo hiểm: 2.730.000 đồng*); thời hạn vay: 15 tháng; số tiền thanh toán hàng tháng (bao gồm gốc, lãi, phí): 2.681.662 đồng; số tiền thanh toán kỳ cuối: 2.583.668 đồng, lãi suất: 3,508%/tháng (dư nợ giảm dần); lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Thực hiện hợp đồng, Công ty J đã giải ngân cho Cửa hàng liên kết là Công ty TNHH T: 28.000.000 đồng và số tiền phí bảo hiểm: 2.730.000 đồng để bà N thanh toán tiền mua xe máy và phí bảo hiểm.

Theo thỏa thuận trong hợp đồng thì bà N có trách nhiệm thanh toán gốc và lãi trong vòng 15 tháng, mỗi tháng bà N phải thanh toán cho Công ty J số tiền 2.681.662 đồng vào trước hoặc đúng ngày 31 hàng tháng cho đến khi kết thúc hợp đồng, kỳ cuối vào ngày 02/5/2024. Ngày thanh toán đầu tiên bắt đầu là 28/02/2023.

Từ ngày 28/02/2023 đến ngày 02/01/2024, bà N thanh toán cho Công ty J số tiền 24.172.914 đồng. Cụ thể như sau: Tiền nợ gốc: 16.598.809 đồng; nợ lãi: 7.428.149 đồng; lãi quá hạn: 37.956 đồng; phí quản lý khoản vay: 108.000 đồng thì ngừng thanh toán cho đến nay. Công ty J đã liên lạc nhiều lần nhưng bà N cố tình lẩn tránh, không thực hiện nghĩa vụ thanh toán.

Tính đến ngày 17/9/2024, dư nợ còn lại của bà Lê Nguyễn Quỳnh N tại Công ty J là: 24.105.440 đồng (*Hai mươi bốn triệu một trăm lẻ năm ngàn bốn trăm bốn mươi đồng*); Gồm: Nợ gốc: 14.131.191 đồng; Nợ lãi: 5.323.848 đồng; lãi quá hạn: 4.578.401 đồng; Phí quản lý khoản vay: 72.000 đồng.

Việc bà N không thực hiện nghĩa vụ thanh toán đã vi phạm Điều 3; Điều 8 của hợp đồng số 21100003821231000 ngày 30/01/2023 mà hai bên đã thỏa thuận và ký kết, ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi của Công ty J. Vì vậy, Công ty J khởi kiện yêu cầu:

- Buộc bà Lê Nguyễn Quỳnh N thanh toán cho Công ty J số tiền tạm tính đến ngày 17/9/2024 là 24.105.440 đồng (*Hai mươi bốn triệu một trăm lẻ năm ngàn bốn trăm bốn mươi đồng*).

- Yêu cầu bà Lê Nguyễn Quỳnh N phải tiếp tục thanh toán cho Công ty J tiền lãi phát sinh do nợ quá hạn, lãi quá hạn, các loại phí từ sau ngày 17/9/2024 cho đến khi hết nợ theo Hợp đồng tín dụng số 21100003821231000 ký ngày 30/01/2023.

Bị đơn là bà Lê Nguyễn Quỳnh N: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng bằng thủ tục niêm yết công khai cho bà N nhưng bà N không đến Tòa án làm việc và không có ý kiến phản hồi gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, cụ thể như sau:

Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng của đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Bị đơn mặc dù đã được thông báo, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn tại phiên tòa là đúng theo quy định của điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự (*Viết tắt là BLTTDS*).

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa và các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp thì việc khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết: Công ty J khởi kiện yêu cầu bà Lê Nguyễn Quỳnh N phải trả số tiền nợ đã vay theo Hợp đồng tín dụng số 21100003821231000 ký ngày 30/01/2023. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo khoản 3 Điều 26 của BLTTDS. Bị đơn có địa chỉ tại khu phố 5, phường Đ, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

[1.2] Xử lý về việc vắng mặt của bị đơn: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện thủ tục niêm yết công khai các văn bản tố tụng cho bị đơn bà Lê Nguyễn Quỳnh N nhưng bà N không đến tham gia tố tụng. Tại phiên tòa hôm nay, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng bà N vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Căn cứ các chứng cứ, tài liệu và lời khai nguyên đơn cung cấp; Hội đồng xét xử nhận thấy:

Ngày 30/01/2023, bà Lê Nguyễn Quỳnh N có ký với Công ty J Hợp đồng tín dụng 21100003821231000; bao gồm: Giấy đề nghị vay kèm phương án sử dụng vốn, bản các Điều kiện giao dịch chung sản phẩm cho vay của Công ty J, xác nhận của các bên liên quan đến việc xác lập hợp đồng vay. Căn cứ nhu cầu và thu nhập của bà N; Thực hiện hợp đồng, Công ty J đã giải ngân cho bà N số tiền 30.730.000 đồng (cụ thể: thanh toán số tiền mua xe máy cho Cửa hàng liên kết là Công ty TNHH T: 28.000.000 đồng và số tiền phí bảo hiểm: 2.730.000 đồng). Hợp đồng tín dụng giữa Công ty J và bà Lê Nguyễn Quỳnh N được ký kết trên cơ sở tự nguyện, mục đích, nội dung và hình thức của Hợp đồng đúng quy định của pháp luật nên xác định là Hợp đồng hợp pháp.

Sau khi ký hợp đồng, bà Lê Nguyễn Quỳnh N đã được Công ty J giải ngân đủ số tiền là 30.730.000 đồng. Theo các tài liệu, chứng cứ Công ty J cung cấp thì quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng số 21100003821231000, bà N đã thanh toán cho Công ty J từ ngày 28/02/2023 đến ngày 02/01/2024 được tổng số tiền là 24.172.914 đồng. Sau đó, bà N không thanh toán bất kỳ khoản tiền nào cho Công ty J nữa mặc dù đã được Công ty J đôn đốc, nhắc nhở nhiều lần.

Như vậy, có cơ sở khẳng định bà Lê Nguyễn Quỳnh N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận trong hợp đồng, đã vi phạm Hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết; bà N là người có lỗi nên phải chịu mọi hậu quả phát sinh từ hợp đồng và theo quy định của pháp luật.

[2.2] Về lãi suất: Các bên thỏa thuận lãi suất trong hạn là 3,5080%/tháng theo dư nợ giảm dần (Điều 1 của Hợp đồng tín dụng); bà N đã biết và thanh toán tiền gốc và lãi cho Công ty J từ ngày từ ngày 28/02/2023 đến ngày 02/01/2024 mà không có ý kiến hay khiếu nại gì. Quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng, bà N vi phạm hợp đồng nên từ sau ngày 02/01/2024; Công ty J chuyển sang nợ quá hạn và áp dụng lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn như đã thỏa thuận là phù hợp với Điều 1, Điều 4 của Hợp đồng tín dụng đã ký kết, khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng và Điều 9 Thông tư số 39/VBHN-NHNN ngày 29/11/2019 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định cho vay tiêu dùng của Công ty tài chính nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Về các loại phí liên quan đến Hợp đồng tín dụng: Các bên đã thỏa thuận về quyền và nghĩa vụ của bên vay tại Điều 8 của Hợp đồng tín dụng. Bà Lê Nguyễn Quỳnh N phải chịu các khoản phí theo quy định tại Điều 1, mục 3.2 Điều 3 của Hợp đồng tín dụng và Biểu phí của bản các Điều kiện giao dịch chung sản phẩm cho vay của J; chi tiết lãi, phí trong các Bảng kê. Căn cứ Biểu phí đã được Công ty J niêm yết công khai tại thời điểm ký hợp đồng, đã được thỏa thuận giữa Công ty J và bà Lê Nguyễn Quỳnh N là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng nên có cơ sở để chấp nhận yêu cầu này của Công ty J.

[2.4] Đối với yêu cầu: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà Lê Nguyễn Quỳnh N còn phải tiếp tục chịu lãi phát sinh của số tiền nợ gốc chưa thanh toán từ ngày 18/9/2024 theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cho

đến khi thanh toán xong hợp đồng tín dụng của Công ty J. Xét thấy yêu cầu này phù hợp với các nội dung mà các bên đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng (bao gồm: Giấy đề nghị vay kèm phương án sử dụng vốn, bản các Điều kiện giao dịch chung sản phẩm cho vay của J); phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ các phân tích như trên, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của Công ty J.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà Lê Nguyễn Quỳnh N, có nội dung thể hiện Công ty J khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà N phải trả số tiền vay còn nợ bao gồm nợ gốc, nợ lãi, nợ lãi quá hạn, phí phát sinh từ hợp đồng tín dụng nhưng bà N không có văn bản trình bày ý kiến và cũng không phản đối những tình tiết, sự kiện cũng như những tài liệu, chứng cứ do Công ty J xuất trình cho thấy bà N đã từ bỏ quyền của mình được pháp luật quy định.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự.

Các Điều 91, 95 của Luật Các tổ chức tín dụng.

Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên Quốc tế Việt Nam JACCS.

1. Buộc bà Lê Nguyễn Quỳnh N có nghĩa vụ trả nợ cho Công ty Tài chính trách nhiệm hữu hạn Jsố tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng số 21100003821231000 ký ngày 30/01/2023, tính đến ngày 17/9/2024 là 24.105.440 đồng (*Hai mươi bốn triệu một trăm lẻ năm ngàn bốn trăm bốn mươi đồng*); Trong đó: Số tiền gốc là 14.131.191 đồng; Số tiền lãi là 5.323.848 đồng đồng; Lãi quá hạn là 4.578.401 đồng đồng, Phí quản lý khoản vay là 72.000 đồng.

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm; bà Lê Nguyễn Quỳnh N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh đối với khoản tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi

thanh toán xong toàn bộ khoản nợ. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của bên cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho bên cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Công ty Tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên Quốc tế Việt Nam JACCS.

3. Về án phí:

3.1. Bà Lê Nguyễn Quỳnh N phải chịu: 1.205.000 đồng (*Đã làm tròn*) (*Một triệu hai trăm lẻ năm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

3.2. Công ty Tài chính trách nhiệm hữu hạn Jkhông phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại số tiền 394.000 đồng (*ba trăm chín mươi bốn nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0001877 ngày 25/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì Người được thi hành án dân sự, Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai có mặt nguyên đơn, quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 17-9-2024). Bị đơn vắng mặt, quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ Bản án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND TP. PR - TC;
- Chi cục THADS Tp. PR-TC;
- Các đương sự;
- Lưu (HS, AV).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tiến Phát